TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Lâm và bà Công Thị Minh Lợi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31-01-2013, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc: "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 311/2022/QĐXX-ST ngày 21-12-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐ-HPT ngày 12-01-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh T.V.Hưng, sinh năm: 1982; Địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 3, thôn T.P, xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001082015704 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25-4-2021. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị N.T.Hồng, sinh năm: 1986. Hộ chiếu số C0110251 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 25-5-2015.

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Thôn V.A, xã T.T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi ở: Đội 3, thôn T.P, xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh T.V.Hưng trình bày:

Anh T.V.Hưng kết hôn với chị N.T.Hồng là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15-5-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà

Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Hưng ở thôn T.P, xã Đ.P, huyện Chương Mỹ.

Vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị Hồng giận dỗi bỏ nhà đi, anh Hưng không biết là chị Hồng đi đâu. Sau một thời gian, anh Hưng mới được gia đình người thân cho biết là chị Hồng đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Anh Hưng đã nhiều lần tìm cách liên hệ để hàn gắn tình cảm nhưng chị Hồng không hợp tác và hai bên không còn liên lạc với nhau nữa.

Từ khi chị Hồng đi xuất khẩu lao động (năm 2015) đến nay, thì chị Hồng chưa về nước lần nào và cũng không liên lạc với anh nữa. Anh Hưng đã chờ đợi hơn 07 năm nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng đến nay không còn và hai bên không còn liên hệ gì với nhau nữa. Vì vậy, anh T.V.Hưng làm đơn khởi kiện xin ly hôn, theo đó đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.T.Hồng để giúp hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên anh Hưng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Do bị đơn là chị N.T.Hồng vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành làm việc nhiều lần với mẹ đẻ của chị N.T.Hồng là bà N.T.Lánh, sinh năm: 1954; địa chỉ: Thôn V.A, xã T.T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Bà Lánh trình bày xác nhận: Việc anh T.V.Hưng trình bày về quá trình kết hôn và chung sống với chị Hồng là đúng; anh Hưng và chị Hồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và chưa có con chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hưng và chị Hồng được ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống riêng.

Chị N.T.Hồng đã đi xuất khẩu lao động tại Malaysia theo đường tự do, gia đình không biết địa chỉ cụ thể. Bà Lánh vẫn thường xuyên liên hệ với chị Hồng qua điện thoại, zalo. Bà Lánh đồng ý nhận văn bản và cam kết sẽ gửi, thông tin và thông báo cho chị Hồng các văn bản của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Chị Hồng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

**** Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ.P xác định:***

Ngày 15-5-2013, UBND xã Đ.P đã làm thủ tục kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2013, quyển số 01 cho chị N.T.Hồng, sinh ngày 19-3-1986; Địa chỉ: Xã T.T, huyện Chương Mỹ - Hà Nội kết hôn cùng anh T.V.Hưng, sinh ngày 30-6-1982; Địa chỉ: Xã Đ.P, huyện Chương Mỹ - Hà Nội. Theo hồ sơ quản lý nhân khẩu tại địa phương thì anh T.V.Hưng và chị N.T.Hồng chưa có con chung.

* Công an xã Đ.P, huyện Chương Mỹ cung cấp thông tin xác nhận: Chị N.T.Hồng, sinh năm1986, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T.P, xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nhưng chị Hồng đã không sinh sống tại địa phương từ khoản năm 2016 đến nay. Theo thông tin từ người nhà, thì chị Hồng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, địa chỉ cụ thể nơi chị Hồng sinh sống và làm việc ở đâu thì người nhà không ai biết; chị Hồng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại để hỏi thăm sức khỏe nhưng không cung cấp địa chỉ nơi ở. Chị Hồng và anh Hưng không có con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là anh T.V.Hưng có mặt, trình bày quan điểm: Chị N.T.Hồng đã tự ý bỏ đi xuất lao động chui từ năm 2015 đến nay không trở về, cuộc sống hôn nhân thực tế không tồn tại nên giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hưng được ly hôn với chị N.T.Hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về tố tụng: Bị đơn là chị N.T.Hồng xuất cảnh từ ngày 25-5-2015 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh, hiện đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đã đảm bảo thủ tục theo quy định.

- Về nội dung: Anh T.V.Hưng kết hôn với chị N.T.Hồng là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc. Năm 2015, vợ chồng có mâu thuẫn, chị Hồng đã đi xuất khẩu lao động đến nay chưa trở về Việt Nam và cũng không còn liên lạc gì với anh Hưng cho đến nay. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Hưng khởi kiện xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hưng.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

Chị N.T.Hồng là công dân Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Chị Hồng đã xuất cảnh từ ngày 25-5-2015 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh, do dó có cơ sở xác định việc chị Hồng xuất cảnh ra nước ngoài trước thời điểm anh T.V.Hưng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý theo trình tự sơ thẩm và được chuyển về Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội để giải quyết sơ thẩm theo Quyết định chuyển vụ án số 01/2022/QĐ-CVA ngày 05-9-2022.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành làm việc với người thân của bị đơn để tống đạt văn bản tố tụng cho chị N.T.Hồng và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh T.V.Hưng kết hôn với chị N.T.Hồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15-5-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Hưng tại Thôn T.P, xã Đ.P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị Hồng đã bỏ đi. Sau đó, chị Hồng đã đi xuất khẩu lao động từ đó đến nay chưa trở về Việt Nam. Từ khi chị Hồng xuất cảnh, thì vợ chồng không liên lạc với nhau nữa; hai bên không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Anh T.V.Hưng xác định vợ chồng xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên làm đơn xin ly hôn chị N.T.Hồng.

Căn cứ Công văn số 15908/QLXNC-P5 ngày 29-7-2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, thì chị N.T.Hồng đã xuất cảnh ngày 25-5-2015 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành làm việc với bà N.T.Lánh là mẹ đẻ của chị N.T.Hồng, bà Lánh xác nhận: Việc vợ chồng anh Hưng chị Hồng kết hôn, quá trình chung sống là đúng như anh Hưng trình bày. Bà Lánh biết việc chị Hồng đã đi xuất khẩu lao động, hiện chị Hồng đang lao động tại Malaysia nhưng bà không biết địa

chỉ cụ thể. Chị Hồng vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc về gia đình nhưng cũng không cung cấp thông tin về địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể của mình tại nước ngoài nên gia đình không được biết.

Bà N.T.Lánh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh Hưng chị Hồng theo quy định pháp luật và xác nhận anh Hưng là người tốt. Bà Lánh vẫn liên lạc qua điện thoại với chị Hồng. Hiện chị Hồng đang lao động ở nước ngoài nên bà Lánh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị Hồng, không cần chờ chị Hồng về nước vì không biết bao giờ chị Hồng về nước. Bà Lánh đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết sẽ thông báo, gửi cho chị Hồng các văn bản của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh T.V.Hưng và chị N.T.Hồng thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2015. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn liên hệ gì; đời sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn chị Hồng của anh T.V.Hưng đề nghị Tòa án giải quyết là có căn cứ được chấp nhận.

Căn cứ quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.V.Hưng và giải quyết cho anh T.V.Hưng được ly hôn chị N.T.Hồng.

[2.2]. Về con chung: Anh T.V.Hưng và mẹ đẻ của chị N.T.Hồng là bà N.T.Lánh đều xác định vợ chồng anh Hưng, chị Hồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T.V.Hưng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện về việc phân chia chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

[3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì anh T.V.Hưng phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.V.Hưng với chị N.T.Hồng. Anh T.V.Hưng và chị N.T.Hồng chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí: Anh T.V.Hưng phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0076024 ngày 23-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Ghi nhận việc anh T.V.Hưng đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T.V.Hưng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N.T.Hồng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(Một)* tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND xã Đ.P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Chí Nguyện